TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2021
V/v Ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thế A với anh Phan Trọng S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Na.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thế A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 378 đường PT, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Tiến D, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Phan Trọng S, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 378 đường PT, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế*; vắng mặt lần thứ hai.*

Người tham gia tố tụng khác: Bà Phan Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 378 đường PTh, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; là mẹ đẻ của chị Anh; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thế A trình bày:

Chị với anh Phan Trọng S chung sống có tổ chức lễ cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09-7-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ của chị và đăng ký thường trú chung tại thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh S là lao động tự do. Chị là người khuyết tật nên làm công việc nội trợ và sản xuất, chăn nuôi trong gia đình. Mặc dù anh S biết rõ hoàn cảnh gia đình nhưng không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường bỏ đi khỏi nhà không rõ lý do và cũng không thông tin cho gia đình biết. Chị và gia đình đã góp ý nhưng không thay đổi. Từ tháng 5/2021, vợ chồng không chung sống với nhau; anh S không có trách nhiệm gì với vợ con nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Phan Hoàng Đăng Q, sinh ngày 03-7-2015; hiện tại, cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi con đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng gì khác.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Trọng S trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được; do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 30-8-2021, anh S vắng mặt nên đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử ngày 24-9-2021 nhưng anh S tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Thị Thế A và anh Phan Trong S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn. Mặc dù chị A là người khuyết tật nhưng quá trình chúng sống, anh S không có trách nhiệm chăm sóc vợ con, không có mặt ở nhà thường xuyên và không chịu khó lao động để chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã không chung sống với nhau, tình trạng đã đến mức trầm trọng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho chị A được ly hôn, giao cháu Phan Hoàng Đăng Q cho chị A trực tiếp nuôi đến khi thành niên và miễn nộp tiền án phí cho chị A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn được thông báo, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Thế A và anh Phan Trọng S kết hôn hợp pháp, đã có một người con chung là cháu Phan Hoàng Đăng Q, sinh ngày 03-7-2015. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho chị A được ly hôn; giao cháu Q cho chị A trực tiếp nuôi; chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản không có yêu cầu nên không xem xét; miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn là anh Phan Trọng S có địa chỉ cư trú tại thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thế A và anh Phan Trọng S kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-7-2013. Thời điểm đăng ký, chị A là người khuyết tật nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự, đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở trình bày của chị Hoàng Thị Thế A; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ, chồng, thấy rằng:

Chị A và anh S mâu thuẫn do không hợp về điều kiện, hoàn cảnh chung sống và nghề nghiệp, việc làm nên anh S nhiều lần đi khỏi nơi cư trú chung của vợ chồng, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc vợ con; cha mẹ đã góp ý nhưng không khắc phục, phù hợp kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi cư trú và trình bày của mẹ đẻ của chị A. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập để trình bày ý kiến và thông báo tham gia hòa giải nhưng anh S vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Chứng tỏ, anh S không có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ con; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình trong điều kiện chị A là người khuyết tật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị A ly hôn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Chị Hoàng Thị Thế A và anh Phan Trọng S có một con chung là cháu Phan Hoàng Đăng Q, sinh ngày 03-7-2015.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Quá trình tố tụng, anh Phan Trọng S vắng mặt nên vợ, chồng không có thỏa thuận gì về việc nuôi con. Từ khi vợ chồng không chung sống, chị A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q với sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình; cháu Q phát triển tốt, ổn định việc sinh sống, học tập. Chị Alà người khuyết tật nhưng chưa đến mức không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, yêu cầu giao cháu Q cho chị A trực tiếp nuôi đến khi thành niên là có căn cứ. Ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp, được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Thế Ađã được phổ biến, giải thích nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàng Thị Thế A không có yêu cầu giải quyết nên không xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Thế A có yêu cầu miễn nộp tiền án phí với lý do là người khuyết tật, chứng cứ là giấy xác nhận người khuyết tật của Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí cho chị A.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thế A với anh Phan Trọng S; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Hoàng Đăng Q, sinh ngày 03-7-2015 cho chị Hoàng Thị Thế A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí cho chị Hoàng Thị Thế A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trường